

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																															
	<p>+ Đối với BN nhiễm HIV:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>> 50</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>10 - 50</td> <td>5mg/kg/12 - 24h</td> </tr> <tr> <td>< 10</td> <td>2,5mg/kg/24h</td> </tr> </tbody> </table> <p>+ HD: Bổ sung 1 liều sau lọc.</p> <p>+ CAPD: Không phải bổ sung.</p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	Không phải chỉnh liều	10 - 50	5mg/kg/12 - 24h	< 10	2,5mg/kg/24h																																																										
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																		
> 50	Không phải chỉnh liều																																																																		
10 - 50	5mg/kg/12 - 24h																																																																		
< 10	2,5mg/kg/24h																																																																		
Amikacin	<p>Cách 1: Giữ nguyên liều thông thường, kéo dài khoảng cách đưa liều.</p> <p>Dùng liều 7,5mg/kg/lần, khoảng đưa liều được tính bằng SCr (mg/100ml) nhân với 9.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>SCr (mg/100ml)</th> <th>Khoảng cách đưa liều (h)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1,5</td> <td>13,5</td> </tr> <tr> <td>2,0</td> <td>18,0</td> </tr> <tr> <td>2,5</td> <td>22,5</td> </tr> <tr> <td>3,0</td> <td>27,0</td> </tr> <tr> <td>3,5</td> <td>31,5</td> </tr> <tr> <td>4,0</td> <td>36,0</td> </tr> <tr> <td>4,5</td> <td>40,5</td> </tr> <tr> <td>5,0</td> <td>45,0</td> </tr> </tbody> </table> <p>Cách 2: Giảm liều và giữ nguyên khoảng cách đưa liều (12h).</p> <p>LD: 7,5mg/kg</p> <p>MD = $\frac{ClCr BN suy thận}{ClCr bình thường} \times LD$ dùng mỗi 12h.</p>	SCr (mg/100ml)	Khoảng cách đưa liều (h)	1,5	13,5	2,0	18,0	2,5	22,5	3,0	27,0	3,5	31,5	4,0	36,0	4,5	40,5	5,0	45,0	<p>Gram (-):</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>> 50</td> <td>7,5mg/kg/12h</td> </tr> <tr> <td>10 - 50</td> <td>7,5mg/kg/24h</td> </tr> <tr> <td>< 10</td> <td>7,5mg/kg/48h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>7,5mg/kg/48h + 3,75mg/kg sau lọc</td> </tr> </tbody> </table> <p>NTM (Nontuberculous Mycobacteria):</p> <p>TDM để hiệu chỉnh liều, với mục tiêu:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Đỉnh (μg/ml)</th> <th>Đáy (μg/ml)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>35-45 (15mg/kg) 65-80 (25mg/kg)</td> <td>< 1</td> </tr> </tbody> </table> <p>- CRRT: 25mg/kg/48h truyền kéo dài. Khuyến cáo TDM.</p> <p>- CAPD (chỉ cho viêm phúc mạc): 2mg/kg/24h, IP.</p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	7,5mg/kg/12h	10 - 50	7,5mg/kg/24h	< 10	7,5mg/kg/48h	HD	7,5mg/kg/48h + 3,75mg/kg sau lọc	Đỉnh (μg/ml)	Đáy (μg/ml)	35-45 (15mg/kg) 65-80 (25mg/kg)	< 1	<p>Nếu TDM: ClCr < 40 ml/ph: LD 15 - 20mg/kg, liều tiếp theo sử dụng theo kết quả định lượng.</p> <p>Nếu không TDM: liều dùng theo ClCr:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 80</td> <td>20mg/kg/24h</td> </tr> <tr> <td>60-79</td> <td>15-20mg/kg/24h</td> </tr> <tr> <td>40-59</td> <td>15-20mg/kg/36h</td> </tr> <tr> <td>30-39</td> <td>15mg/kg/48h</td> </tr> <tr> <td>20-29</td> <td>12mg/kg/48h</td> </tr> <tr> <td>10-19</td> <td>10mg/kg/48h</td> </tr> <tr> <td>< 10</td> <td>7,5mg/kg/48h</td> </tr> </tbody> </table> <p>- CVVH, CVVHDF:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Lọc máu</th> <th>Liều thấp</th> <th>Liều cao</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD</td> <td>7,5mg/kg/48h + 3,75mg/kg sau lọc</td> <td></td> </tr> <tr> <td>CVVH</td> <td>LD: 10mg/kg; MD: 7,5mg/kg /24 - 48h</td> <td>25-30mg/kg/48h</td> </tr> <tr> <td>CVVHDF</td> <td></td> <td>25-30mg/kg</td> </tr> <tr> <td>CVVHD</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>Với chế độ liều cao, cần TDM để xác định khoảng liều.</p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 80	20mg/kg/24h	60-79	15-20mg/kg/24h	40-59	15-20mg/kg/36h	30-39	15mg/kg/48h	20-29	12mg/kg/48h	10-19	10mg/kg/48h	< 10	7,5mg/kg/48h	Lọc máu	Liều thấp	Liều cao	HD	7,5mg/kg/48h + 3,75mg/kg sau lọc		CVVH	LD: 10mg/kg; MD: 7,5mg/kg /24 - 48h	25-30mg/kg/48h	CVVHDF		25-30mg/kg	CVVHD			<p>Cách 1: Giữ nguyên liều thông thường, kéo dài khoảng cách đưa liều.</p> <p>Dùng liều 7,5mg/kg, khoảng đưa liều có thể được tính bằng cách nhân SCr với 9.</p> <p>Cách 2: Giảm liều và giữ nguyên khoảng cách đưa liều (12h).</p> <p>LD: 7,5mg/kg</p> <p>MD = $\frac{ClCr BN suy thận}{ClCr bình thường} \times LD$ dùng mỗi 12h.</p>
SCr (mg/100ml)	Khoảng cách đưa liều (h)																																																																		
1,5	13,5																																																																		
2,0	18,0																																																																		
2,5	22,5																																																																		
3,0	27,0																																																																		
3,5	31,5																																																																		
4,0	36,0																																																																		
4,5	40,5																																																																		
5,0	45,0																																																																		
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																		
> 50	7,5mg/kg/12h																																																																		
10 - 50	7,5mg/kg/24h																																																																		
< 10	7,5mg/kg/48h																																																																		
HD	7,5mg/kg/48h + 3,75mg/kg sau lọc																																																																		
Đỉnh (μg/ml)	Đáy (μg/ml)																																																																		
35-45 (15mg/kg) 65-80 (25mg/kg)	< 1																																																																		
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																		
≥ 80	20mg/kg/24h																																																																		
60-79	15-20mg/kg/24h																																																																		
40-59	15-20mg/kg/36h																																																																		
30-39	15mg/kg/48h																																																																		
20-29	12mg/kg/48h																																																																		
10-19	10mg/kg/48h																																																																		
< 10	7,5mg/kg/48h																																																																		
Lọc máu	Liều thấp	Liều cao																																																																	
HD	7,5mg/kg/48h + 3,75mg/kg sau lọc																																																																		
CVVH	LD: 10mg/kg; MD: 7,5mg/kg /24 - 48h	25-30mg/kg/48h																																																																	
CVVHDF		25-30mg/kg																																																																	
CVVHD																																																																			